TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và bà Trần Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham dự phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991

Nơi cư trú: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16 tháng 11 năm 2022, Bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Văn T tìm hiểu và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 7 năm 2008 tại UBND xã S (nay là xã T), huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Bản thân chị cũng đã cố

gắng để hàn gắn tình cảm vì các con nhưng không thành, vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Phạm Văn Trúc.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Trúc có 02 con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 02/5/2009 và Phạm Hùng L, sinh ngày 10/7/2014. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hùng L và giao cháu Phạm Văn L cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Về phía bị đơn anh Phạm Văn T, Tòa án nhân dân thị xã B đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều không có mặt nên không thể lấy lời khai và vụ án không thể hòa giải được. Theo Biên bản xác minh tại UBND phường Q ngày 02/03/2023 thì anh T hiện đang sinh sống tại TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã B gửi cho anh Phạm Văn T đã được Ủy ban nhân dân phường Q tống đạt trực tiếp cho anh T.

Ngày 03/03/2023, Tòa án nhân dân thị xã B có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 17/03/2023 và đã được Ủy ban nhân dân phường Q tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa cho chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn T. Tuy nhiên, chỉ có chị M có mặt, anh T vắng mặt nên Tòa án phải hoãn phiên tòa. Ngày 13/4/2023, Tòa án nhân dân thị xã B mở phiên tòa lần hai và đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị M, anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm; bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt anh T nhưng anh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Trúc.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị M

được ly hôn anh Phạm Văn T; về con chung: Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung Phạm Hùng L, sinh ngày 10/7/2014 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Văn L, sinh ngày 02/5/2009 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, buộc chị M phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung giữa chị và anh Phạm Văn T, như vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về ly hôn và con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị M và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị M và anh T có 02 con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 02/5/2009 và Phạm Hùng L, sinh ngày 10/7/2014. Nếu vợ chồng ly hôn, chị M có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con Phạm Hùng L và giao con Phạm Văn L cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Xét thấy, hiện tại cả hai con đang ở với chị M và

anh T tại phường Q, thị xã , tỉnh Quảng Bình. Quá trình giải quyết vụ án chị M có nguyện vọng xin được nuôi con Phạm Hùng L, cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, còn cháu L có nguyện vọng ở với cả bố và mẹ. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con Phạm Hùng L cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con Phạm Văn L cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Sau ly hôn hai bên có quyền qua lại thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị M trình bày vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn T

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn T

3. Về con chung: Giao con chung Phạm Hùng L, sinh ngày 10/7/2014 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Văn L, sinh ngày 02/5/2009 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, hai bên có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003510 ngày 18 tháng 11 năm 2022. Chị Mùi đã nộp đủ tiền án phí.

6. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.